

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 02/2024/HSST
Ngày: 10/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2023/TLST-HS, ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HS, ngày 13/12/2023 đối với bị cáo: **Ngô Thị Thúy H**, sinh ngày 06/05/1981, nơi sinh tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hoàng T, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Đặng Thị H1, sinh năm 1953 (đã chết), có chồng là Nguyễn Minh L, sinh năm 1978 và con Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2009, anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2/Bà **Phan Thị Kim V**, sinh năm 1960 (xin vắng)

Địa chỉ: Khóm A, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị Thúy H sinh ngày 06/5/1981, ngụ ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, trước đây là giáo viên Trường tiểu học L2 thuộc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có quen biết với bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955, ngụ khóm A, thị trấn T là giáo viên dạy chung trường và bà Phan Thị Kim V, sinh năm 1960, ngụ khóm B, thị trấn T, huyện T là phụ huynh học sinh của T1 tiểu học Lưu Văn L1, nên khoảng thời gian từ năm 2018-2021, bị cáo H liên hệ hỏi bà P và bà V vay tiền nhiều lần, cụ thể từng người như sau:

Vay tiền của bà P: Khoảng đầu năm 2019, H hỏi vay tiền của bà P nhiều lần với tổng số tiền lên đến 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Việc vay tiền không có làm hợp đồng và không thế chấp tài sản, lãi suất 02 bên thỏa thuận là 03%/tháng. Do thấy số tiền vay đã nhiều và có dấu hiệu trả lãi chậm nên khi biết H có thửa đất và căn nhà trên đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m²) tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do H chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, ngụ khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An nên bà P gặp H và yêu cầu đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà P giữ, đồng thời bà P gây áp lực nếu không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P sẽ thông báo đến Ban giám hiệu Trường Tiểu học L2 và sẽ thu hồi tiền gốc lại. Do H đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vào Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V2 - Phòng G để vay tiền nên không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà P giữ. Lúc này, H xem trên mạng xã hội Facebook có đăng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên H liên hệ đặt làm giấy chứng nhận giả thửa đất số 56, tờ bản đồ số thì diện tích 87,1m và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m², tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giống như giấy thật với số tiền 2.000.000đ. Ngày 15/8/2019 H đến nhà bà P tại khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà P giữ, lúc này H và bà P thống nhất viết biên nhận nợ vay với số tiền là 200.000.000đ và thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 15/4/2020 H liên hệ với bà P hỏi vay số tiền 40.000.000đ, bà P yêu cầu H đưa 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Minh L và 01 thẻ đảng viên mang tên Ngô Thị Thúy H cho bà P giữ làm tin. Tổng cộng số tiền H vay của bà P là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

Vay tiền của bà V: Ngày 24/4/2018, H vay số tiền 20.000.000đ, ngày 18/01/2019 vay số tiền 15.000.000đ, ngày 22/7/2019 vay số tiền 20.000.000đ, ngày 11/4/2020 vay số tiền 20.000.000đ, ngày 20/4/2020 vay số tiền 10.000.000đ và ngày 15/8/2021 vay số tiền 40.000.000đ. Tổng cộng: 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Việc vay tiền không có làm hợp đồng và không thế chấp tài sản, lãi suất 02 bên thoả thuận là 05%/tháng. Do thấy số tiền vay đã nhiều và có dấu hiệu trả lãi chậm nên khi biết H có thửa đất và căn nhà trên đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m²) tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên bà V gặp H và yêu cầu đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà V giữ, đồng thời bà V gây áp lực buộc H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V giữ. Do H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vào Ngân hàng để vay tiền nên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà V giữ. H tiếp tục lên mạng xã hội Facebook liên hệ đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m² tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giống như giấy thật với số tiền 3.000.000đ. Ngày 15/7/2021, H đến nhà bà V tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà V giữ, lúc này bà V yêu cầu H viết biên nhận nợ vay với số tiền là 40.000.000đ đã nhận trước và thế chấp 01 giấy phép xây dựng nhà. Tổng cộng số tiền H vay của bà V là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Đến tháng 3/2023, H không có tiền trả lãi nên nghỉ làm giáo viên và đi thành phố Hồ Chí Minh làm gia sư kiếm tiền trả nợ. Do không liên lạc được với H để đòi tiền, lúc này bà V nghe nói H có thế chấp cho bà P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đến gặp bà P để hỏi và xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà P đang giữ của H. Khi đối chiếu tất cả các dữ liệu trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều giống nhau nên bà V và bà P đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T để nhờ kiểm tra thông tin thì được biết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H thế chấp không có trong dữ liệu hệ thống phần mềm quản lý. Bà P và bà V nghi ngờ H sử dụng giấy tờ giả nên ngày 02/8/2023 bà P và bà V làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết.

Tang vật thu giữ: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m²) tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim V nộp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do anh Nguyễn Minh L đứng tên; 01 thẻ đảng viên mang tên Ngô Thị Thúy H; 01 giấy

phép xây dựng nhà số 12/GPXD ngày 29/3/2005 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m²) tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Minh L (là chồng của Ngô Thị Thúy H) nộp để phục vụ việc giám định.

Ngày 24/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định Trưng cầu giám định số 56 trưng cầu Phòng K Công an tỉnh V giám định 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngô Thị Thủy H2 thế chấp cho bà Phan Thị Kim V và bà Nguyễn Thị P là thật hay giả.

Tại Kết luận giám định số 611 ngày 21/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận:

1. 02 phôi GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, số CC045342, số vào sổ cấp GCN: CS06403, ngày 26/12/2016; đứng tên Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, CMND số 330936492, địa chỉ thường trú: 121, Nguyễn Văn T2, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An cần giám định là giả.

2. Hình dấu tròn cần giám định dưới mục SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG GIÁM ĐỐC có nội dung CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM TỈNH VĨNH LONG SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG trên 02 GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, số CC045342, số vào sổ cấp GCN: CS06403, ngày 26/12/2016; đứng tên Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, CMND số 330936492, địa chỉ thường trú: 121, Nguyễn Văn T2, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An cần giám định không phải do con dấu có hình dấu mẫu nội dung CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM TỈNH VĨNH LONG SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG trên các tài liệu mẫu so sánh đóng ra.

3. Hình dấu tròn cần giám định dưới mục Tam Bình ngày 02 tháng 02 năm 2017 GIÁM ĐỐC có nội dung VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH VĨNH LONG CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI H.TAM BÌNH trên 02 GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, số CC045342, số vào sổ cấp GCN: CS06403, ngày 26/12/2016, đứng tên Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, CMND số 330936492 địa chỉ thường trú: 121, Nguyễn Văn T2, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An không phải con dấu có hình dấu mẫu nội dung VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ

ĐẤT ĐẠI TỈNH VĨNH LONG CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI H.TAM BÌNH trên các tài liệu mẫu so sánh đóng ra.

4. Chữ ký mang tên Roãn Ngọc C cần giám định trên 02 GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, số CC045342, số vào sổ cấp GCN: CS06403, ngày 26/12/2016; đứng tên Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, CMND số 330936492, địa chỉ thường trú: 121, Nguyễn Văn T2, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An so với chữ ký mang tên Roãn Ngọc C trên các tài liệu so sánh là không phải do một người cùng ký ra.

5. Chữ ký mang tên Nguyễn Trung Đ1 cần giám định trên 02 GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, số CC045342, số vào sổ cấp GCN: CS06403, ngày 26/12/2016; đứng tên Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1969, CMND số 330936492, địa chỉ thường trú: 121, Nguyễn Văn T2, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An so với chữ ký mang tên Nguyễn Trung Đ1 trên các tài liệu so sánh là không phải do một người cùng ký ra (bút lục 48-50).

Ngày 28/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Ngô Thị Thúy H về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 107/CT-VKSTB ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Ngô Thị Thúy H về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Ngô Thị Thúy H đã phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ngô Thị Thúy H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Giao bị cáo về cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị Thúy H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, thống nhất với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để lo cho con cái còn nhỏ, bị cáo rất ăn năn hối hận về việc mình đã làm, hứa không tái phạm.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Minh L trình bày, ông và bị cáo H đã sống ly thân, nên khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T mời làm việc thì ông mới biết, ông không có liên quan gì đối với hành vi của bị cáo H.

- *Trong biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị P, bà Phan Thị Kim V trình bày tóm tắt như sau:* Việc bà và Ngô Thị Thúy H chỉ là giao dịch dân sự, bản thân H không phải sử dụng Giấy tờ giả để bà làm tin để vay tiền. H vay tiền trước rồi nhưng do vay tiền nhiều lần và trả lãi chậm nên bà mới yêu cầu bà H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà giữ làm tin, nếu không thì thu hồi nợ gốc lại, vì vậy H mới đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà giữ, bản thân H không có chiếm đoạt tiền của các bà. Hiện tại các bà và H đã thỏa thuận xong về việc trả nợ (BL145-148).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng bà P vắng mặt, bà V có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở

ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2]. *Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Do cần tiền trị bệnh và bán hàng online bị thua lỗ, vợ chồng sống ly thân, nên bị cáo có vay tiền của bà Nguyễn Thị P và bà Phạm Thị Kim V1, do chậm trả nợ, một phần bị gây áp lực buộc bị cáo phải có tài sản thế chấp, một phần sợ ảnh hưởng đến bản thân và gia đình, để bà P, bà V1 tin là bị cáo có tài sản, bị cáo có thời gian làm trả nợ nên bị cáo Ngô Thị Thúy H đã 02 lần đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22, diện tích 87,1m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích 67,2m²*) tọa lạc tại khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để giao cho bà P và bà V1 mỗi người 01 bản để giữ làm tin. Tuy nhiên, sau khi nhận được Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì bà P và bà V1 nghi ngờ nên kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tổ giác bị cáo ra Công an.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Thị Thúy H thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo đã phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: b) Phạm tội 02 lần trở lên*”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương nhất là tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước và răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên bị cáo thực sự có tài sản là quyền sử dụng đất, vì áp lực phải trả nợ, tạo niềm tin đối với chủ nợ, hiện tại bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã giải quyết nợ xong, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của những người này, bản thân bị cáo cũng mang nhiều chứng bệnh trong người, nên không

cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3]. *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Bị cáo Ngô Thị Thúy H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo trong quá trình làm việc có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được cơ quan nhà nước khen thưởng nhiều bằng khen, giấy khen, chiến sĩ thi đua của cấp tỉnh, cấp cơ sở; bản thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự, được nhiều đồng nghiệp xác nhận cho bị cáo. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.* Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có thu lợi bất chính và không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, hiện còn phải trả nợ cho các khoản vay khác nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. *Về xử lý vật chứng:* Đã trả lại xong nên không đặt giải quyết.

[6]. *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Đối với việc bị cáo Ngô Thị Thúy H vay mượn tiền của bà Phan Thị Kim V và bà Nguyễn Thị P là do các bên tự thỏa thuận với nhau và đã vay tiền trước khi bà V và bà P yêu cầu bị cáo H thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V và bà P giữ để làm tin, bị can H không có ý định chiếm đoạt tiền của bà V và bà P, trong quá trình điều tra các bên đã tự thỏa thuận trả tiền vay với nhau xong, bà V và bà P không có yêu cầu gì đối với bị cáo H trong vụ án. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cho rằng đây là giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức do bị cáo H đặt mua trên mạng xã hội Facebook và giao nhận hàng, thanh toán tiền đều thông qua dịch vụ vận chuyển

hàng online, bị cáo không nhớ tên tài khoản của đối tượng và không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, không lưu số điện thoại, không xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Thúy H phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[1]. *Về căn cứ pháp luật và áp dụng hình phạt:* Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, 50, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thúy H 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, được tính từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2024).

Giao người bị kết án Ngô Thị Thúy H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2]. *Về xử lý vật chứng:* Đã trả xong, nên không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 290, 292, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2021.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Hoà Lộc, huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo